

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2025/DS-PT
Ngày: 11-12-2025
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Dư Thành Trung

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 338/2025/TLPT-PT ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 542/2025/QĐ-PT ngày 05/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số D đường B, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Bà Đậu Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số B đường N, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Lô E D đường N, Phường A B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Mỹ H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Đậu Thị M vay tiền nhiều lần, khi cho vay và trả nợ thì có khoản trả bằng tiền mặt, có khoản chuyển

khoản, các lần vay trước đã trả đầy đủ, riêng khoản vay ngày 13/10/2022 bà cho bà Đậu Thị M vay số tiền 2.220.000.000đ (hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hạn 01 tháng sẽ trả, nhưng đến hạn bà đòi nhiều lần nhưng bà M không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà M trả cho bà số tiền 2.840.956.000đ (hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó có tiền vay gốc 2.220.000.000đ và tiền lãi từ ngày 13/10/2022 đến ngày 04/8/2025 là 33 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng là 620.956.000đ và tiền lãi cho đến khi bà M trả xong khoản vay.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu lãi suất 1,66% nay bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 425.640.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đối với ý kiến bà M trình bày trong quá trình làm việc về việc trả lãi và trả nợ là không đúng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, số tiền bà M vay bà rất nhiều, khi thì vay tiền mặt, khi thì chuyển khoản, khoản tiền nào bà M trả thì bà trả giấy cho bà M. Số tiền bà M trình bày trả hàng tháng lãi 79.000.000đ tiền mặt là không đúng, đối với số tiền chuyển khoản như bà M trình bày là đúng, bà M có chuyển tiền cho bà nhiều lần để thanh toán các khoản vay và trả lãi cho các khoản vay trước đó, lãi suất khi vay từ 2,5-3%/tháng, từ năm 2020 bà M vay bà rất nhiều lần, mỗi lần vay từ vài trăm triệu cho đến hơn 02 tỷ bà M chuyển trả gốc và lãi nhiều lần, cho nhiều khoản vay khác nhau, do bà M đã trả nên bà đã trả lại các giấy vay cho bà M nên không nhớ cụ thể của những khoản vay nào. Khoản tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) bà M chuyển ngày 10/05/2022 là tiền bà M chuyển để trả các khoản vay khác, khi bà M trả tiền vay xong thì bà đã trả lại giấy vay cho bà M. Các khoản tiền bà M chuyển khoản trả gốc và lãi cho bà là các khoản vay trước, không liên quan đến khoản vay ngày 13/10/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đậu Thị M trình bày: Bà và bà Trần Mỹ H có quen biết và làm ăn vay mượn tiền với nhau, bà vay bà H nhiều lần, lần 1 vay ngày 17/07/2020 bà có vay bà H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); lần 2 vay ngày 21/7/2020 bà vay bà H số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng); lần 3 vay ngày 22/7/2020 bà vay 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng) và sau đó bà có mượn từ 1.500.000.000đ đến 2.000.000.000đ để đáo hạn ngân hàng nhưng bà không nhớ rõ, nhưng khoản này bà đã trả bà H và đã xé bỏ giấy vay tiền hoặc chuyển khoản trả nợ. Bà còn nợ bà H ba khoản vay ngày 17/7/2020; ngày 21/7/2020 và ngày 22/7/2020 với tổng số tiền nợ là 2.220.000.000đ (hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng), lãi 1.200đ/ngày/1 triệu, tiền lãi hàng tháng là 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng). Đối với khoản tiền vay 2.220.000.000đ bà đã trả cho bà H như sau: từ tháng 8/2020 đến ngày 03/01/2021 bà đã trả tiền mặt cho bà H 16 tháng x 79.000.000đ/tháng = 1.264.000.000đ (một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng); từ ngày 03/11/2021 đến ngày 13/10/2022 bà chuyển khoản cho bà H thông qua số tài khoản 114100626912 do ông Trương Minh T đứng tên, cụ thể như sau: ngày

03/11/2021 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 19/01/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 25/3/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 25/4/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 10/5/2022 chuyển khoản số tiền 300.000.000đ; ngày 10/05/2022 chuyển khoản số tiền 300.000.000đ; ngày 10/5/2022 chuyển khoản số tiền 200.000.000đ; ngày 23/5/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 09/8/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 11/9/2022 chuyển khoản số tiền 79.000.000đ; ngày 24/10/2022 chuyển khoản số tiền 60.000.000đ, tổng số tiền chuyển khoản trả là 1.413.000.000đ (số tiền 800.000.000đ chuyển khoản ngày 10/5/2022 là tiền gốc); tổng số tiền bà đã đưa tiền mặt và chuyển khoản cho bà H là 2.677.000.000đ (hai tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền lãi và gốc thì bà không đồng ý vì ngày 13/10/2022 bà không vay tiền của bà H mà chỉ viết lại giấy vay của ba khoản vay ngày 17/7/2020; ngày 21/7/2020 và ngày 22/7/2020 với tổng số tiền nợ là 2.220.000.000đ (hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng).

Theo sao kê có những khoản tiền gửi liên quan đến bà H, nhưng chỉ những khoản bà M trình bày về việc chuyển khoản trả nợ trên là liên quan đến khoản tiền bà Trần Mỹ H đang khởi kiện bà M. Còn các khoản chuyển khoản khác cho H là những khoản vay khác hoặc trả cho bà H khác, các khoản đó không liên quan đến số tiền vay trong vụ án này

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ H đối với bà Đậu Thị M về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Buộc bà Đậu Thị M có trách nhiệm trả cho bà Trần Mỹ H số tiền 2.780.956.000đ (hai tỷ bảy trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc 2.220.000.000đ và tiền lãi là 560.956.000đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 425.640.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 19/8/2025, bị đơn bà Đậu Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình 01 bản vi bằng số 401/2025 VB-TPL:BL ngày 27/10/2025 của Văn phòng Thừa phát lại thành phố B thể hiện nội dung 03 cuộc nói chuyện sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện 07 ngày, nội dung cuộc hội thoại giữa nguyên đơn và bị đơn để chứng minh cho việc giữa nguyên đơn và bị đơn vay mượn tiền nhiều lần nên nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn ký vào giấy vay tiền ngày 13/10/2023 là khoản chốt nợ được cộng gốc và lãi, còn trước đó bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn lãi hàng tháng là 3,6% là 79.000.000đ/tháng, tổng cộng bị đơn

đã trả lãi là 2.780.956.000đ vượt luôn khoản nợ gốc nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để làm rõ các khoản vay ngày 17/7/2020; 01 tỷ đồng, khoản vay ngày 21/7/2020; 700.000.000đ, khoản vay ngày 22/7/2020; 520.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đậu Thị M; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đậu Thị M nộp trong hạn luật định, người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đậu Thị M; bà M không đồng ý thanh toán cho bà H số tiền 2.220.000.000đ nợ gốc và 560.956.000đ lãi và cho rằng; ngày 13/10/2022 bà không vay tiền của bà H mà chỉ viết lại giấy vay của ba khoản vay ngày 17/7/2020; ngày 21/7/2020 và ngày 22/7/2020 với tổng số tiền nợ là 2.220.000.000đ và tổng số tiền bà đã trả bằng tiền mặt và chuyển khoản cho bà H là 2.677.000.000đ vượt quá số tiền nợ gốc 2.220.000.000đ.

[2.1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện; nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc 2.220.000.000đ và cung cấp tại giấy mượn tiền ghi ngày 13/10/2022 có nội dung “*giấy vay tiền: tôi tên Đậu Thị M. SN 1971, số CMND 250460294 cấp ngày: 16/4/2016 Địa chỉ: B N - phường B - TP B - Lâm Đồng có vay của em H: 2.220.000.000 (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) Tôi cam đoan trả đúng gốc đúng hạn. hẹn 1 tháng trả lãi theo thỏa thuận 3%/tháng. Bảo Lộc ngày 13/10/2022*” có chữ ký và ghi họ tên Đậu Thị M. Bị đơn không đồng ý và cho rằng giấy vay tiền ngày 13/10/2022 số tiền 2.220.000.000đ (hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng) mà bà H cung cấp chữ ký và chữ viết của bà, nhưng bà viết để chốt nợ lại của khoản vay ngày 17/7/2020 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), ngày 21/7/2020 số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng); ngày 22/7/2020 số tiền 520.000.000đ (năm trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng nguyên đơn bà Trần Mỹ H không thừa nhận và cho rằng các chứng cứ do bị đơn cung cấp chỉ có một mình bị đơn (Đậu Thị M) viết và ký, không có chữ ký xác nhận của bà H và cho rằng bà M tự viết để trùng khớp với số tiền vay ngày 13/10/2022. Mặt khác, bà M thừa nhận các chứng cứ bà M cung cấp là do bà viết và ký tên, trong giấy có nội dung việc sửa xóa ngày, tháng là do bà ghi nhầm nên sửa và ghi lại nên không có cơ sở để xem xét lời trình bày của bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền ngày 13/10/2022 buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 2.220.000.000đ nợ gốc là có căn cứ.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi; Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán theo mức lãi suất 0,83%/tháng và tính tiền lãi từ ngày 13/10/2022 đến ngày

04/8/2025 là 33 tháng 21 ngày = 560.956.000đ tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà Minh chứng M1 khoản tiền đã thanh toán cho nguyên đơn bằng việc bị đơn trả tiền mặt 1.264.000.000đ, nhưng không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Đối với số tiền bà M1 chuyển khoản cho ông T – chồng bà H tổng số tiền chuyển khoản 1.413.000.000 đồng từ 3/11/2021 đến 24/10/2022 để chứng minh cho việc trả nợ bằng chuyển khoản. Tuy nhiên, khoản tiền lãi theo bị đơn xác định là 3,6%/tháng x 2.220.000.000 = 79.920.000đ, nhưng hai bên thống nhất trả tiền lãi 79.000.000đ/tháng, nhưng theo sao kê bà M1 cung cấp có tháng bà M1 chuyển 79.600.000đ là mâu thuẫn với chính lời trình bày của bị đơn. Mặt khác, bị đơn trình bày ngày 10/5/2022 bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn tiền gốc 800.000.000đ, nhưng sau đó vẫn chuyển trả lãi cho nguyên đơn 79.000.000đ trên số nợ gốc 2.220.000.000đ và đến ngày 13/10/2022 vẫn viết giấy để chốt nợ số tiền 2.220.000.000đ là không phù hợp.

Bà M1 và bà H đều thừa nhận từ năm 2020 đến năm 2022 bà M1 vay tiền của bà H nhiều lần, quá trình vay thì có khoản tiền mặt, có khoản vay bằng chuyển khoản và khi trả thì có khoản trả bằng tiền mặt, có khoản trả bằng chuyển khoản, sau khi bà M1 trả nợ xong bà H đều trả lại giấy vay tiền cho bà M1 hoặc hai bên sẽ xé giấy nên bà H không nhớ hết các khoản tiền bà M1 trả là trả cho khoản vay nào, việc chuyển khoản này đều trước khi viết giấy vay tiền ngày 13/10/2022, bà M1 cho rằng bà chuyển khoản để trả nợ của giấy vay tiền ngày 13/10/2022 là không có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 425.640.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) nên Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn xuất trình chứng cứ mới là 01 Vi bằng của Văn phòng Thừa phát lại thành phố B số 401/2025/VB-TPL.BL ngày 27/10/2025 ghi nhận cuộc hội thoại được bị đơn cho là giọng nói của nguyên đơn và bị đơn để chứng minh cho việc giữa nguyên đơn và bị đơn viết giấy vay tiền ngày 13/10/2022 thể hiện đoạn hội thoại tại trang 2 “từ 00;00 – 00;08; Em với chị chỉ có hai khoản rõ ràng vậy thôi chứ đâu có gì nữa đâu...”; “Từ 00;00-00;07; Alo Hương ơi chị nói nè, cái tiền mà chị mượn của em hai tỉ hai hai chục đó em mượn của ai à”; trang 3 “Từ 00;26-00;37 Thì em vay của người ta chị không biết chứ chị trả cho em một nghìn hai một ngày, một tháng là ba trăm sáu là bảy mươi chín triệu của hai tỉ hai hai chục thì sao nữa”; “Từ 00:29 – 00:29: Chi nói Hương nghe này, chị mượn của em hai tỉ hai chục á, hàng tháng chị trả bảy mươi chín triệu cho em đang hoàn rồi. Hôm trước á em với ông T gửi vô chị, chị viết giấy cho em, chị đã viết lại cho em, chị đã tính toán chi đâu mà em giờ còn lằng nhằng vậy”. Nguyên đơn thừa nhận giọng nói trong đoạn hội thoại và được ghi nhận trong Vi bằng là giọng nói của nguyên đơn và bị đơn, nhưng nội dung của đoạn hội thoại chỉ là hai bên nói chuyện qua lại với nhau, không đầu, không đuôi và khi bị đơn ghi âm lại cuộc hội thoại bà

không biết, còn việc vay tiền giữa hai bên đã lập bằng giấy vay tiền có chữ ký của bên vay. Xét nội dung của đoạn hội thoại giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành vi bằng, không có đoạn hội thoại nào thể hiện rõ ràng khoản vay nợ được nhập thành giấy vay ngày 13/10/2022 cũng như khoản tiền thanh toán tiền lãi hàng tháng của khoản vay cụ thể nào, hơn nữa những khoản tiền sao kê từ ngân hàng đều thể hiện trước thời điểm bị đơn bà Đậu Thị M viết giấy vay tiền của bà Trần Mỹ H. Riêng khoản tiền chuyển khoản ngày 24/10/2022 phát sinh sau thời điểm viết giấy vay ngày 13/10/2022 đã được nguyên đơn thừa nhận và Tòa án cấp sơ thẩm trừ vào khoản tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đậu Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Đậu Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Đậu Thị M. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ H đối với bị đơn bà Đậu Thị M về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

1.1. Buộc bà Đậu Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Mỹ H 2.780.956.000đ (hai tỷ bảy trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc 2.220.000.000đ và tiền lãi là 560.956.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi là 425.640.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Đậu Thị M phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003221 ngày 17/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.